TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN TỊNH
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2018/DS-ST
Ngày 13 - 6 - 2018
V/v: "Tranh chấp về thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quang Ý.

2. Ông Võ Dương Băng Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đại Nghĩa – Thư ký TAND huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Ông Lương Phước Thọ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2017/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2017 về "Tranh chấp về thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị D**, sinh năm: 1969; vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm 6, thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu Tr; sinh năm 1976; (Theo giấy ủy quyền ngày 28/6/2017); có mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Ông **Bùi Đức V**, sinh năm: 1961; vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm 6, thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Võ Thị T**, sinh năm: 1928; vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm 6, thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hữu Tr; sinh năm 1976; (Theo giấy ủy quyền ngày 28/6/2017); có mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 9 năm 2017, đơn yêu cầu đề ngày 16/4/2018, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu Tr trình bày:

Ông Bùi Th (sinh năm 1913); bà Võ Thị T (sinh năm 1928) là vợ chồng có với nhau 02 người con gồm: Bùi Đức V, sinh năm 1961; Bùi Thị D, sinh năm 1969.

Ông Bùi Th chết ngày 29/11/2000 không để lại di chúc. Nguồn gốc thửa đất số 411, tờ bản đồ số 21, diện tích 2.440 m^2 tại xóm 6, thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi là tài sản do ông Bùi Th và bà Võ Thị T tạo lập từ năm 1945 đến nay, trong hồ sơ 299 ông Bùi Th kê khai đứng tên, đến khi thực hiện Nghị định 64/CP ông Bùi Th tiếp tục đi kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00989/QSDĐ/452/QĐ-UB ngày 22/12/1997. Nguyên thửa đất có 01 ngôi nhà tạm bợ do ông Bùi Th và bà Võ Thị T xây dựng vào năm 1945. Nhưng đến năm 2001 sau khi ông Th chết, nhà bị hư hỏng xuống cấp nặng, nên bà Bùi Thị D và bà Võ Thị T đã sửa chữa xây dựng lại ngôi nhà như hiện nay. Hiện nay căn nhà do bà Bùi Thị D và bà Võ Thị T quản lý và sử dụng.

Ngày 01/6/2017, UBND xã T đã tiến hành làm việc giữa các bên theo Đơn yêu cầu của bà Bùi Thị D, theo đó các bên gồm ông Bùi Đức V, bà Bùi Thị D và bà Võ Thị T đều thống nhất chia thửa đất thành hai phần và cùng ký vào biên bản. Nhưng đến ngày 02/6/2017 ông V có đơn yêu cầu gửi UBND xã T đòi chia thửa đất thành 05 phần đồng thời ông V bác bỏ biên bản hòa giải ngày 01/6/2017, bà D và bà T không đồng ý theo yêu cầu của ông V.

Nay bà Bùi Thị D yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của ông Bùi Th theo quy định của pháp luật là quyền sử dụng đất diện tích 1.014,5 m^2 (diện tích đo đạc thực tế), thửa đất số 411, tờ bản đồ số 21 tại xóm 6, thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cho những người sau đây: Chia cho bà Bùi Thị D; ông Bùi Đức V; bà Võ Thị T mỗi người 338,16 m^2.

Bị đơn: Ông Bùi Đức V vắng mặt tại phiên tòa, không có bản trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua bà Võ Thị T: Tại đơn yêu cầu ngày 02/9/2017, đơn yêu cầu ngày 16/4/2018 và tại phiên tòa đại diện ủy quyền của bà T là ông Nguyễn Hữu Tr trình bày: Bà T và ông Bùi Th là vợ chồng sinh thời có tạo lập được một mảnh vườn thửa đất số 411, tờ bản đồ số 21 xã T, đã được Ủy ban nhân dân huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00989/QSDĐ/452/QĐ-UB ngày 22/12/1997 cho ông Bùi Th, trên đất có 01 ngôi nhà tạm bợ do ông Bùi Th và bà T xây dựng vào năm 1945. Nhưng đến năm 2001 sau khi ông Th chết (ông Th chết vào năm 2000), nhà bị hư hỏng xuống cấp nặng, nên bà T và con bà là Bùi Thị D đã sửa chữa xây dựng lại ngôi nhà như hiện nay. Bà T và ông Bùi Th có hai người con là Bùi Đức V và Bùi Thị D. Nay bà T yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của ông Bùi Th theo quy định của pháp luật là quyền sử dụng đất diện tích 1.014,5 m^2 (theo diện tích đo đạc thực tế), thửa đất số 411, tờ bản đồ số 21 tại xóm 6, thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cho những người sau đây: Chia cho bà Võ Thi T, Bùi Thị D và Bùi Đức V mỗi người 338,16 m^2. Để tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình sử dụng, bà T đề nghị chia phần đất cho bà T giáp với nhà đất mà bà T đang sử dụng, tiếp đến chia cho chị D, phần phía bắc giáp với thửa đất 412 thì giao cho anh V sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, HĐXX, người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi HĐXX vào nghị án và phát biểu về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành theo quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Thửa đất 411, tờ bản đồ số 21 xã T là tài sản của ông Bùi Th và bà Võ Thị T tạo lập, vì vậy di sản của ông Bùi Th để lại là ½ thửa đất này, theo đo đạc thực tế còn là 1.014,5 m^2, hàng thừa kế thứ nhất gồm có: Bà Võ Thị T, anh Bùi Đức V và chị Bùi Thị D, mỗi người được 338,16 m^2. Như vậy căn cứ điều 611, 623, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị D và bà Võ Thị T. Tuyên về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Bùi Thị D là con của ông Bùi Th (chết ngày 29/11/2000, không để lại di chúc) khởi kiện vụ án dân sự yêu cầu chia thừa kế di sản của ông Th để lại là quyền sử dụng đất diện tích 1.014,5m^2 thuộc thửa đất số 411, tờ bản đồ số 21 tại xóm 6, thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao Thông báo thụ lý vụ án cho ông Bùi Đức V nhận nhưng ông V không ký biên bản nhận. Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tiến hành giao hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nhưng ông V không chấp hành, nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, phiên tòa được mở vào ngày 24/5/2018, đã giao giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ cho ông V, ông V vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 1 Điều 227, 233, 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày 13/6/2018 và đã giao giấy triệu tập phiên tòa cho ông V nhận nhưng ông V không ký biên bản giao nhận. Tại phiên tòa lần thứ hai vào ngày 13/6/2018 ông V vẫn vắng mặt không lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Bùi Đức V.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Hàng thừa kế thứ nhất của ông Bùi Th là bà Võ Thị T (Vợ ông Th), anh Bùi Đức V (Con ông Th) và chị Bùi Thị D(Con ông Th).

[2.2] Tài sản chung của ông Th và bà T là thửa đất số 411, tờ bản đồ số 21, diện tích 2.440 m^2 tại xóm 6, thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi được UBND huyện Sơn Tịnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00989/QSDĐ/452/QĐ-UB ngày 22/12/1997 đứng tên ông Bùi Th, diện tích đo đạc thực tế là 2.029 m^2. Chị D và bà T yêu cầu chia di sản của ông Th là ½ diện tích thửa đất theo diện tích đo đạc thực tế là 1.014,5 m^2.

[2.3] Về tài sản gắn liền trên đất: Theo biên bản định giá tài sản ngày 02/02/2018 thì tài sản trên đất có giá trị cụ thể như sau: Nhà cấp IVA 37m^2 giá trị 104.673.000 đồng; nhà NK5 23,24m^2 giá trị 27.283.760 đồng; chuồng heo CH1 15,5m^2 giá trị 9.253.500 đồng; nhà vệ sinh VS3 3,23m^2 giá trị 7.332.100 đồng; Giếng đất giá trị 6.190.000 đồng; Cây chuối 32 cây giá trị 1.280.000 đồng; Mãng cầu 02 cây cho quả giá trị 300.000 đồng; Cau cho quả 24 cây giá trị 6.000.000 đồng; Cây Lồng mức 06 cây giá trị 900.000 đồng; Cây trâm 01 cây giá trị 600.000 đồng. Tổng giá trị tài sản gắn liền trên đất là 163.812.360 đồng.

Giá trị quyền sử dụng đất là: 80.000,đồng/1 m^2

Nguyên đơn chị Bùi Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị T xác định: Khi ông Th còn sống và bà T có xây dựng một nhà tạm từ năm 1945 đến năm 2001 sau khi ông Th chết (Ông Th chết vào năm 2000) thì nhà bị hư hỏng xuống cấp nặng, nên chị Bùi Thị D và bà Võ Thị T đã sửa chữa xây dựng lại ngôi nhà như hiện nay. Nay bà T và chị D không yêu cầu gì về phần tài sản gắn liền trên đất, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Như vậy di sản của ông Bùi Th để lại là ½ thửa đất có diện tích là 1.014,5 m^2 quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 411, tờ bản đồ số 21, xã T, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, trong đó có 100 m^2 đất ở và 904,5 m^2 đất vườn.

Phần di sản của ông Th được chia thành 3 kỷ phần (cho 03 người: Bà T, anh V và chị D) mỗi người được hưởng phần di sản của ông Th là 338,16 m^2 quyền sử dụng đất, trong đó có 33,33 m^2 đất ở và 304,83 m^2 đất vườn. Trị giá mỗi kỷ phần là 27.052.800,đồng (338,16 m^2 x 80.000,đồng/m^2) (Hai mươi bảy triệu không trăm năm mươi hai ngàn tám trăm đồng).

[2.5] Đối với phần di sản mà anh Bùi Đức V được hưởng: Xét thấy từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để làm việc nhưng anh V tuy có nhà và nhận Thông báo thụ lý vụ án và các giấy triệu tập của Tòa án nhưng không ký biên bản, không đến Tòa án, không gửi bản trình bày và vắng mặt tất cả các buổi làm việc mà Tòa án triệu tập, nên Tòa án không xác định được anh V có yêu cầu chia và nhận di sản thừa kế của ông Bùi Th hay không. Vì vậy phần di sản thừa kế của ông Bùi Th mà anh V được hưởng, nay tạm thời giao cho chị D tiếp tục quản lý, khi nào anh Bùi Đức V có đơn yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét bằng một vụ án khác (Nếu còn thời hiệu khởi kiện).

[2.6] Căn cứ biên bản định giá tài sản ngày 02/02/2018, sơ đồ thửa đất 411 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì các kỷ phần được giao cụ thể (có sơ đồ kèm theo):

- Giao cho bà Võ Thị T được quyền quản lý, sử dụng 338,16 m^2 quyền sử dụng đất, trong đó có 33,33 m^2 đất ở và 304,83 m^2 đất vườn (hình DPIK) có các cạnh: Cạnh DP giáp nhà, đất của bà T có chiều dài 39,9 mét, cạnh PI giáp đường có chiều dài 8,47 mét, cạnh IK giáp đất giao cho chị D, có chiều dài 39,9 mét, cạnh KD giáp thửa đất 413 có chiều dài 8,47 mét. Phần quyền sử dụng đất này bà T đang quản lý nên được tiếp tục quản lý, sử dụng.

- Giao cho chị Bùi Thị D được quyền quản lý, sử dụng 338,16 m^2 quyền sử dụng đất, trong đó có 33,33 m^2 đất ở và 304,83 m^2 đất vườn (hình IKMN) có các cạnh: Cạnh IK giáp với đất giao cho bà T, có chiều dài 39,9 mét, cạnh KM giáp thửa đất 413 có chiều dài 8,47 mét, cạnh MN giáp đất dự kiến giao cho ông V có

chiều dài 39,9 mét, cạnh NI giáp đường liên thôn có chiều dài 8,47 mét. Phần quyền sử dụng đất này chị D đang quản lý, sử dụng nên chị D được tiếp tục quản lý, sử dụng.

- Tạm giao cho chị Bùi Thị D quản lý, sử dụng phần quyền sử dụng đất dự kiến giao cho ông Bùi Đức V 338,16 m^2, trong đó có 33,33 m^2 đất ở và 304,83 m^2 đất vườn (hình NMCB) có các cạnh: Cạnh NM giáp đất giao cho chị D có chiều dài 39,9 mét, cạnh MC giáp thửa đất 413 có chiều dài 8,47 mét, cạnh CB giáp thửa đất 412 có chiều dài 39,9 mét, cạnh BN giáp đường đi có chiều dài 8,47 mét.

[2.7] Về chi phí tố tụng: Chi phí định giá tài sản và chi phí đo đạc số tiền là 5.400.000,đồng (Năm triệu bốn trăm ngàn đồng), chị D thỏa thuận chịu, chị D đã nộp đủ.

[2.8] Án phí: Chị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, bà T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[2.9] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

[2.10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26; 147; 235; 266; 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 611; 612; 623; 649; 650 và Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167 Luật đất đai năm 2013; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị D và bà Võ thị T về chia di sản thừa kế của ông Bùi thừa để lại là ½ thửa đất số 411, tờ bản đồ số 21, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi được UBND huyện Sơn Tịnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00989/QSDĐ/452/QĐ-UB ngày 22/12/1997 đứng tên ông Bùi Th, diện tích là 1.014,5 m^2 quyền sử dụng đất.

2/ Phần di sản của ông Th được chia thành 3 kỷ phần (cho 03 người: Bà T, anh V và chị D) mỗi người được hưởng phần di sản của ông Th là 338,16 m^2 quyền sử dụng đất, trong đó có 33,33 m^2 đất ở và 304,83 m^2 đất vườn. Trị giá mỗi kỷ phần là 27.052.800,đồng (338,16 m^2 x 80.000,đồng/m^2) (Hai mươi bảy triệu không trăm năm mươi hai ngàn tám trăm đồng).

3/ Các kỷ phần được giao cụ thể (có sơ đồ kèm theo):

- Giao cho bà Võ Thị T được quyền quản lý, sử dụng 338,16 m^2 quyền sử dụng đất, trong đó có 33,33 m^2 đất ở và 304,83 m^2 đất vườn (hình DPIK) có các cạnh: Cạnh DP giáp nhà, đất của bà T có chiều dài 39,9 mét, cạnh PI giáp đường có chiều dài 8,47 mét, cạnh IK giáp đất giao cho chị D, có chiều dài 39,9 mét, cạnh KD giáp thửa đất 413 có chiều dài 8,47 mét. Phần quyền sử dụng đất này bà T đang quản lý nên được tiếp tục quản lý, sử dụng.

- Giao cho chị Bùi Thị D được quyền quản lý, sử dụng 338,16 m^2 quyền sử dụng đất, trong đó có 33,33 m^2 đất ở và 304,83 m^2 đất vườn (hình IKMN) có các cạnh: Cạnh IK giáp với đất giao cho bà T, có chiều dài 39,9 mét, cạnh KM giáp thửa đất 413 có chiều dài 8,47 mét, cạnh MN giáp đất dự kiến giao cho ông V có chiều dài 39,9 mét, cạnh NI giáp đường liên thôn có chiều dài 8,47 mét. Phần quyền sử dụng đất này chị D đang quản lý, sử dụng nên chị D được tiếp tục quản lý, sử dụng.

- Tạm giao cho chị Bùi Thị D quản lý, sử dụng phần quyền sử dụng đất dự kiến giao cho ông Bùi Đức V 338,16 m^2, trong đó có 33,33 m^2 đất ở và 304,83 m^2 đất vườn (hình NMCB) có các cạnh: Cạnh NM giáp đất giao cho chị D có chiều dài 39,9 mét, cạnh MC giáp thửa đất 413 có chiều dài 8,47 mét, cạnh CB giáp thửa đất 412 có chiều dài 39,9 mét, cạnh BN giáp đường đi có chiều dài 8,47 mét. Phần di sản thừa kế của ông Bùi Th mà anh V được hưởng, nay tạm thời giao cho chị D tiếp tục quản lý, khi nào anh Bùi Đức V có đơn yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét bằng một vụ án khác (Nếu còn thời hiệu khởi kiện).

4/ Về chi phí tố tụng: Chi phí định giá tài sản và chi phí đo đạc số tiền là 5.400.000,đồng (Năm triệu bốn trăm ngàn đồng), chị D thỏa thuận chịu, chị D đã nộp đủ.

5/ Về án phí: Chị Bùi Thị D phải chịu 1.352.640,đồng [(338,16 m^2 x 80.000,đồng/m^2) x 5%] (Một triệu ba trăm năm mươi hai ngàn, sáu trăm bốn mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp là 2.000.000,đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000685 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sơn Tịnh, hoàn trả lại cho chị D số tiền còn thừa là 647.360,đồng.

Bà Võ Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6/ Kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh;
- Chi cục THADS huyện Sơn Tịnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**